

+ Bài 3:

-GV gọi HS đọc lại các câu thành ngữ sau khi đã điền hoàn chỉnh.

-Cùng HS giải thích nghĩa của từng thành ngữ.

+ Bài 4:

- GV gọi HS phát biểu:

nhảy cao, nhảy xa, đẩy tạ.

HS: Đọc yêu cầu bài tập và tự làm bài vào vở.

VD: a. Khỏe như voi (trâu, hùm)

b.Nhanh như cắt(chim cắt, gió, điện, sóc).

- Đọc y/c của bài và gợi ý để giải nghĩa.

+ Tiên: Những nhân vật trong truyện cổ tích sống nhả nhận, thư thái trên trời, tượng trưng cho sự sung sướng.

+ Ân được ngủ được nghĩa là có sức khỏe tốt.

+ Có sức khỏe tốt sung sướng chẳng kém gì tiên.

3.Củng cố - dặn dò:

- Nhận xét giờ học. - Yêu cầu về thuộc các thành ngữ tục ngữ trong bài.

Luyện toán

Luyện tập

I.Mục tiêu:

- Rèn luyện cho những hs trung bình và bồi dưỡng cho những hs có năng khiếu về:.

+ Phép chia 1 số TN cho 1 số TN ($\neq 0$) không phải thương bao giờ cũng là 1 số TN mà thg có thể là 1 phân số, Tsố là SBC còn Msố là số chia.

+ Vận dụng làm tốt các bài tập có liên quan và giải toán có lời văn.

II.Đồ dùng dạy học

-Bảng nhóm.

III.Các hoạt động dạy- học:

A.Bài cũ:

B.Dạy bài mới:

1.Giới thiệu:

2.Hướng dẫn luyện tập:

* **Hoạt động 1:** Củng cố về chia 1 số tự nhiên cho 1 số tự nhiên

Bài 1: Viết thương với dạng phân số.

Mẫu: $4 : 1 = \frac{4}{1}$

Bài 2: Viết phân số dưới dạng thương rồi tính (theo mẫu)

Mẫu: $\frac{18}{6} = 18 : 6 = 3$

* **Hoạt động 2:** So sánh phân số với 1.

HS: Làm vở BT

$$7 : 10 = \frac{7}{10} ; 3 : 8 = \frac{3}{8} ; 1 : 15 = \frac{1}{15}$$

HS: Làm vở BT

$$\frac{72}{9} = 72 : 9 = 8; \frac{115}{23} = 115 : 23 = 5$$

$$\frac{150}{25} = 150 : 25 = 6$$

HS: Làm vở BT

Bài 3: (>, <, =) ?

$4/5 > 1$; $6/6 = 1$; $11/9 < 1$
 $8/7 > 1$; $21/22 < 1$; $9/11 < 1$

*** Hoạt động 3:** Giải toán có lời văn.

Bài 4: Bài toán.

Chia đều 9L nước mắm vào 12 chai.

Hỏi mỗi chai có bao nhiêu lít nước mắm?

? BT cho biết gì? BT hỏi gì?

HS: Đọc đề, phân tích đề, giải vở

Mỗi chai chứa lít nước mắm là:

$$9 : 12 = \frac{9}{12} \text{ lít nước mắm}$$

Bài 5: Bài toán

Máy 5 áo trẻ em hết 6m vải, hỏi máy mỗi

áo trẻ em hết bao nhiêu mét vải ?

? BT cho biết gì? BT hỏi gì?

HS: Đọc đề, phân tích đề, giải vở

$$5 : 6 = \frac{5}{6} \text{ m}$$

3. Củng cố, dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Y/c HS về làm bài tập và chuẩn bị bài sau.

Luyện tiếng việt

Luyện tập Mở rộng vốn từ: sức khỏe

I. Mục tiêu:

1. Mở rộng và hệ thống hoá vốn từ thuộc chủ điểm sức khỏe.
2. Hiểu nghĩa một số thành ngữ, tục ngữ liên quan đến sức khỏe.

II. Đồ dùng dạy học:

- Vở trắc nghiệm TV 4

III. Các hoạt động dạy - học:

A. Bài cũ:

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu:

2. Hướng dẫn HS làm bài tập:

Bài 1. Xếp các từ sau vào nhóm thích hợp. Các từ ngữ chỉ hoạt động:

(tập thể dục, chơi thể thao, hút thuốc lá, uống rượu, thức khuya, ăn quả xanh, uống nước lã, dậy sớm, ăn ngủ thất thường, ăn quà vặt, ăn uống điều độ, ngủ li bì, không ngủ trưa, đi bộ, bơi.

<i>Có lợi cho sức khỏe</i>	<i>Có hại cho sức khỏe</i>
Tập thể dục, chơi thể thao, ăn uống điều độ, đi bộ, bơi.	Hút thuốc lá, uống rượu, thức khuya, ăn quả xanh, uống nước lã, dậy sớm, ăn ngủ thất thường, ăn quà vặt, ngủ li bì, không ngủ trưa.

Bài 2. Trong các môn thể thao sau đây, HS tiểu học thường tham gia các môn nào?

Bóng đá, bóng chuyền, bóng chày, bóng bầu dục, bóng chuyền bãi biển, cầu lông, quần vợt, cầu mây, đá cầu, nhảy cao, nhảy xa, đẩy tạ, bắn súng, đấu vật, đấm

bốc, xà đơn, xà kép, nhảy ngựa, trượt băng nghệ thuật, cờ vua, cờ tướng.

-Y/c HS kể tên các môn thể thao mình thường tham gia.

Bài 3.Tìm 2 thành ngữ nói về sức khỏe.

Trao đổi tìm thành ngữ theo y/c.

-Lần lượt kể tiếp nối, mỗi em 1 môn: bóng đá, cầu lông, đá cầu, nhảy xa, cờ vua.

-Khỏe như vâm.

-Khỏe như Trương Phi.

-Khỏe như trâu.

3.Củng cố - dặn dò:

- Nhận xét giờ học.Yêu cầu về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

Thứ sáu ngày 9 tháng 1 năm 2015

Buổi sáng:

Thể dục

đi chuyển hướng phải, trái

TRÒ CHƠI: lăn bóng bằng tay

I.Mục tiêu:

- Đi chuyển hướng phải trái. yêu cầu thực hiện động tác tương đối chính xác.
- Học trò chơi “Lăn bóng bằng tay”, yêu cầu biết cách chơi và bước đầu tham gia được vào trò chơi.

II.Địa điểm - phương tiện:

Sân trường, còi, bóng.

III.Các hoạt động dạy học:

1.Phần mở đầu:

- GV tập trung lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học.

- Giậm chân tại chỗ, hát vỗ tay.
- Chạy chậm trên địa hình tự nhiên.
- Khởi động các khớp cổ tay, cổ chân.
- Trò chơi “Quả gì ăn được”.

2.Phần cơ bản:

a. Đội hình đội ngũ và bài tập RLTTTB:

* Ôn đi đều theo 1- 4 hàng dọc
- GV bao quát sửa sai cho 1 số em tập chưa đúng.

* Ôn đi chuyển hướng phải trái.

b. Trò chơi vận động:

- GV nêu tên trò chơi, phổ biến cách chơi, luật chơi.

- Cả tập do cán sự điều khiển.
- Tập theo tổ ở những nơi đã quy định.
- Nghe GV hướng dẫn.
- Chơi thử, sau đó chơi thật.

3.Phần kết thúc:

- GV hệ thống bài, nhận xét giờ học.

- Đứng tại chỗ hát, vỗ tay.

Tập làm văn

Luyện tập giới thiệu địa phương

I.Mục tiêu:

- HS nắm được cách giới thiệu về địa phương qua bài văn mẫu “Nét mới ở Vĩnh Sơn”.
- Bước đầu biết quan sát và trình bày được đổi mới nơi các em sinh sống.
- Có ý thức đối với công việc xây dựng quê hương.

II.Đồ dùng dạy học:

- Tranh minh họa, bảng phụ.

III.Các hoạt động dạy- học:

1.Kiểm tra bài cũ:

- Gọi HS lên chữa bài tập.

2.Dạy bài mới:

Bài 1:

a) Bài văn giới thiệu những đổi mới của địa phương nào?

b) Kể lại những nét đổi mới nói trên?

- GV treo bảng phụ ghi sẵn dàn ý.

Bài 2: Xác định yêu cầu của đề.

- GV phân tích đề, giúp HS nắm vững yêu cầu, tìm được nội dung cho bài giới

- 2 em đọc, cả lớp theo dõi SGK.
- Đọc thầm bài mẫu và làm bài cá nhân vào vở.

- xã Vĩnh Sơn, một xã miền núi.

- Đã biết trồng lúa nước 2 vụ/ năm.
- Nghề nuôi cá phát triển.
- Đời sống của nhân dân được cải thiện: 10 hộ thì 9 hộ có xe máy, có điện dùng.
- 2 em nhìn bảng đọc lại dàn ý .

1) Mở bài: Giới thiệu chung về địa phương nơi em sống.

2) Thân bài: Giới thiệu những đổi mới.

3) Kết bài: Nêu kết quả đổi mới.

- Đọc yêu cầu của đề.

thiệu.

- Cả lớp bình chọn người giới thiệu hay nhất.

- Nói nhau nói nội dung các em chọn giới thiệu.

VD: Tôi muốn giới thiệu với các bạn về phong trào giữ gìn xóm làng sạch đẹp ở xã Hợp Châu quê tôi.

- Giới thiệu trong nhóm.

- Giới thiệu trước lớp.

3. Củng cố, dặn dò:

- GV nhận xét tiết học.

- Về nhà viết lại vào vở bài giới thiệu của em.

Toán

Phân số bằng nhau

I. Mục tiêu:

- Giúp HS bước đầu nhận biết tính chất cơ bản của phân số.
- Bước đầu nhận ra sự bằng nhau của hai phân số.

II. Đồ dùng:

Các băng giấy hoặc hình vẽ SGK.

III. Các hoạt động dạy - học:

A. Kiểm tra bài cũ:

Gọi HS lên chữa bài tập.

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu:

2. Hướng dẫn HS hoạt động để nhận biết $\frac{3}{4} = \frac{6}{8}$ **và tự nêu được tính chất cơ bản**

của phân số:

- GV hướng dẫn HS quan sát 2 băng giấy (như SGK).

+ **Băng thứ nhất chia làm mấy phần bằng nhau?**

+ Đã tô màu mấy phần?

+ Băng thứ hai chia làm mấy phần?

HS: Quan sát 2 băng giấy để nhận biết.

HS: chia làm 4 phần.

- Tô màu 3 phần hay $\frac{3}{4}$ băng giấy.

- Chia làm 8 phần bằng nhau.

+ Đã tô màu mấy phần?

+ Phần tô màu của hai băng giấy này như thế nào?

$$\Rightarrow \text{Vậy } \frac{3}{4} = \frac{6}{8}$$

GV: $\frac{3}{4}$ và $\frac{6}{8}$ là hai phân số bằng nhau.

\Rightarrow Tính chất (ghi bảng)

3. Thực hành:

+ Bài 1:

- GV và cả lớp nhận xét, chốt lời giải đúng:

$$\frac{2}{5} = \frac{2 \times 3}{5 \times 3} = \frac{6}{15} \quad \text{Ta có: } \frac{2}{5} = \frac{6}{15}$$

+ Bài 2: Y/c HS tự tính giá trị của các biểu thức rồi so sánh kết quả.

+ Bài 3: HS tự làm rồi chữa bài.

a. $\frac{50}{75} = \frac{10}{15} = \frac{2}{3}$

b. $\frac{3}{5} = \frac{6}{10} = \frac{18}{30} = \frac{9}{15}$

- GV chữa bài cho HS.

4. Củng cố, dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Y/c HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

- Tô màu 6 phần hay $\frac{6}{8}$ băng giấy.

Bằng nhau.

HS: Tự viết: $\frac{3}{4} = \frac{2 \times 3}{2 \times 4} = \frac{6}{8}$

Và $\frac{6}{8} = \frac{6:2}{8:2} = \frac{3}{4}$

HS: Đọc lại nhiều lần.

- Cho HS tự làm bài rồi đọc kết quả.

HS: Tự làm rồi nêu nhận xét của từng phần a, b (như SGK).

- 2 em làm bảng, lớp làm vở.

$$81 : 9 = 9$$

$$(81 : 3) : (9 : 3) = 27 : 3 = 9$$

$$18 : 3 = 6 \quad 18 \times 4 : (3 \times 4)$$

$$81 : 9 = (81 : 3) : (9 : 3)$$

- 2 em lên bảng làm.

- Cả lớp làm vào vở.

a. $\frac{50}{75} = \frac{10}{15} = \frac{2}{3}$

b. $\frac{3}{5} = \frac{6}{10} = \frac{18}{30} = \frac{9}{15}$

Địa lý

người dân ở đồng bằng nam bộ

I. Mục tiêu:

- HS trình bày những đặc điểm tiêu biểu về dân tộc, nhà ở, làng xóm, trang phục lễ hội của người dân ở đồng bằng Nam Bộ.

- Sự thích ứng của con người với tự nhiên ở đồng bằng Nam Bộ.

- Dựa vào tranh ảnh tìm ra kiến thức.

II. Đồ dùng dạy học:

- Bản đồ địa lý tự nhiên Việt Nam. Lược đồ tự nhiên đồng Bằng Nam Bộ.

III. Các hoạt động dạy - học:

A. Kiểm tra:

Gọi HS đọc phần bài học của tiết trước.

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu:

2. Nhà ở của người dân:

* HĐ1: Đồng bằng lớn nhất nước ta.

- Treo bản đồ địa lý tự nhiên Việt Nam.

- Đồng bằng Nam Bộ do những sông nào bồi đắp nên?

Em có NX gì về diện tích của ĐBNB?

+ Người dân sống ở đồng bằng Nam Bộ thuộc những dân tộc nào?

+ Người dân thường làm nhà ở đâu? Vì sao?

+ Phương tiện đi lại phổ biến của người dân nơi đây là gì?

* HĐ2: Làm việc theo nhóm.

3. Trang phục và lễ hội:

* HĐ3: Làm việc theo nhóm:

+ Trang phục thường ngày của người dân đồng bằng Nam Bộ trước đây có gì đặc biệt?

+ Lễ hội của người dân nhằm mục đích gì?

+ Trong lễ hội thường có những hoạt động nào?

+ Kể tên 1 số lễ hội ở đồng bằng Nam Bộ nổi tiếng?

- GV cùng cả lớp nhận xét.

=> Kết luận (SGK): Ghi bảng.

4. Củng cố - dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Y/c HS về học bài và chuẩn bị bài sau.

HS: Dựa vào SGK, bản đồ phân bố dân cư Việt Nam và vốn hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi:

- Quan sát.

- Do phù sa của hệ thống sông Mê Công và sông Đồng Nai bồi đắp nên.

- Có diện tích lớn nhất nước ta.

- Kinh, Khơ - me, Chăm, Hoa.

- dọc theo các sông ngòi, kênh rạch để thuận lợi cho việc đi lại.

- Xuồng, ghe.

HS: Các nhóm quan sát SGK hình 1 để làm bài tập.

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả.

HS: Các nhóm dựa vào SGK, tranh ảnh thảo luận theo gợi ý.

- Quần áo bà ba và chiếc khăn rằn.

- Cầu đợc mùa và những điều may mắn trong cuộc sống.

- Đua ghe...

- Lễ hội Bà Chúa Xứ ở Châu Đốc (An Giang); Hội xuân núi Bà (Tây Ninh);

Lễ cúng trăng của đồng bào Khơ - me;

=> Đại diện các nhóm trả lời câu hỏi của nhóm mình.

HS: 3- 4 em đọc.

Buổi chiều:

Luyện toán

Luyện tập: Phân số bằng nhau

I.Mục tiêu:

- Giúp HS bước đầu nhận biết tính chất cơ bản của phân số.
- Bước đầu nhận ra sự bằng nhau của hai phân số.

II.Đồ dùng:

Vở bài tập toán 4.

A.Kiểm tra bài cũ:

B.Dạy bài mới:

1.Giới thiệu:

2.Hướng dẫn HS hoạt động:

Bài 1.Viết tiếp số thích hợp vào chỗ chấm.

-Y/c HS suy nghĩ làm bài cá nhân.

-Gọi HS nhận xét bài làm của bạn.

-Y/c HS nhắc lại cách tìm phân số bằng nhau.

Bài 2.Viết tiếp số thích hợp vào chỗ chấm.

-Y/c HS trao đổi theo bàn.

-Nhận xét, chữa bài.

Bài 3.Chuyển thành phép chia với các số bé hơn.

Hướng dẫn: $60 : 20 = (60 : 10) : (20 : 10) = 6 : 2 = 3$

a) $75 : 25 = (75 : 5) : (25 : 5) = 15 : 5 = 3$ b) $90m : 18 = (90 : 9) : (18 : 9)$
 $= 10 : 2 = 5$

4.Củng cố, dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Y/c HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

Tiếng Anh

(Giáo viên chuyên ngành soạn - giảng)

Sinh hoạt

Sơ kết tuần

I.Mục tiêu.

- Đánh giá việc thực hiện nề nếp và học tập trong tuần của HS.
- Nêu phương hướng và kế hoạch hoạt động tuần 21.
- Rèn luyện tinh thần và ý thức tự giác trong học tập và rèn luyện.

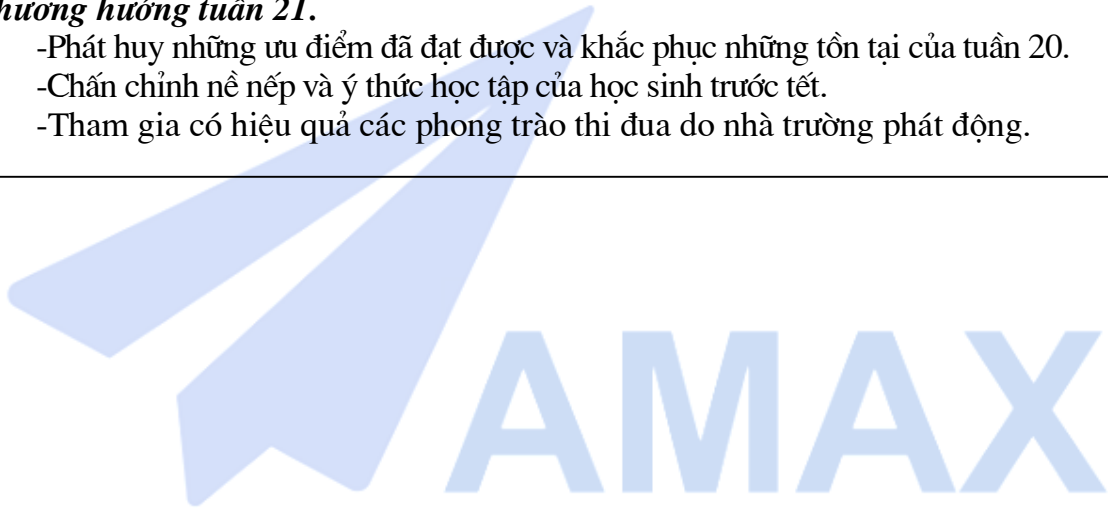
II.Nội dung.

1.Nhận xét việc thực hiện nề nếp và học tập trong tuần.

- Nề nếp: Đi học đầy đủ, đúng giờ. Không còn hiện tượng đi học muộn.
- Xếp hàng ra, vào lớp nhanh; hát đầu giờ và giữa giờ đều, to, rõ ràng.
- Giờ truy bài đã có hiệu quả hơn.
- Học tập: Trong lớp chú ý nghe giảng, hăng hái giơ tay phát biểu xây dựng bài.
- Hầu hết các bạn đã chịu khó học và làm bài trước khi đến lớp.

2.Phương hướng tuần 21.

- Phát huy những ưu điểm đã đạt được và khắc phục những tồn tại của tuần 20.
- Chấn chỉnh nề nếp và ý thức học tập của học sinh trước tết.
- Tham gia có hiệu quả các phong trào thi đua do nhà trường phát động.



Gợi ý một số lời nhận xét thường xuyên theo Thông tư 30

1). Đối với giáo viên chủ nhiệm:

Nhận xét:

a) Môn học và hoạt động giáo dục (Kiến thức, kỹ năng)

**Đối với HS không có hạn chế, hoàn thành các môn học (Có thể chọn 1 trong các ý sau)*

- Nắm vững kiến thức các môn học và vận dụng có hiệu quả.
- Hoàn thành nội dung các môn học.
- Hoàn thành các nội dung chương trình của từng bài trong tháng.
- Hoàn thành các yêu cầu của nội dung chương trình các bài học trong tháng.

**Đối với HS còn hạn chế, chưa hoàn thành các môn học(Có thể chọn 1 trong các ý sau)*

- GV nêu hạn chế của HS, sau đó đưa ra biện pháp hỗ trợ, biện pháp hỗ trợ phải hướng về giáo viên.

Ví dụ : Chưa nắm chắc mối quan hệ giữa dm và cm. Hướng dẫn học sinh nhớ lại $1 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{cm}$.

- Đọc còn chậm, ngắt nghỉ hơi chưa đúng chỗ. Tăng cường luyện đọc ở các tiết bộ môn.
 - Viết chính tả còn sai nhiều lỗi, trình bày chưa đẹp. Tăng cường luyện viết ở các tiết bộ môn (hay buổi thứ hai.)
 - Thực hiện chưa thành thạo các phép tính chia. Cho thêm bài tập và hướng dẫn lại cách thực hiện phép chia đã học.
- * Tùy theo hạn chế của học sinh mà giáo viên đưa ra biện pháp hỗ trợ cho phù hợp .

b) Năng lực

**Đối với HS không có hạn chế (Có thể chọn 1 trong các ý sau)*

- Có ý thức tự phục vụ, tự học, mạnh dạn khi giao tiếp.
- Chấp hành nội quy lớp học, ứng xử thân thiện.

- Biết giữ gìn sách vở cẩn thận, có sự tiến bộ trong giao tiếp.
- Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ học tập, biết chia sẻ cùng bạn.
- Bố trí thời gian học tập phù hợp, tích cực giúp đỡ bạn, có ý thức tự học.
- *Đối với HS còn hạn chế (Có thể chọn 1 trong các ý sau)*
- Còn rụt rè. Cần tạo điều kiện để HS phát biểu ý kiến nhiều hơn.
- Chưa giữ gìn tập sách cẩn thận. Kiểm tra hàng ngày nhắc nhở học sinh bao bì tập sách.
- Chưa chấp hành nội quy lớp học. Cho HS đọc nội quy lớp vào đầu buổi học và giải thích để HS hiểu.

c) Phẩm chất

- Đi học đều, đúng giờ, biết nhận lỗi khi sai, nhường nhịn bạn.
- Tích cực tham gia các hoạt động học tập, tôn trọng mọi người, biết nêu ý kiến của mình.
- Chăm làm việc nhà giúp đỡ cha mẹ, không nói dối, tự chịu trách nhiệm.
- Có ý thức làm đẹp trường lớp, giữ lời hứa, mạnh dạn bày tỏ ý kiến.
- Tự tin trong học tập, trung thực, đoàn kết, yêu quý bạn bè.
- *Đối với HS còn hạn chế (Có thể chọn 1 trong các ý sau)*
- Chưa có ý thức giữ vệ sinh trường lớp. Thường xuyên nhắc HS bỏ rác đúng nơi qui định.
- Hay đi học trễ. Nhắc HS đặt đồng hồ báo giờ đi học.
- Ít tham gia các hoạt động tập thể. Động viên, tạo điều kiện để HS tham gia các phong trào của lớp.



2) Đối với giáo viên bộ môn:

a. Môn âm nhạc:

a.1. Môn học và hoạt động giáo dục (Kiến thức, kỹ năng)

**Đối với HS không có hạn chế (Có thể chọn 1 trong các ý sau)*

- + Hoàn thành các nội dung của từng bài trong tháng. Biết thể hiện tình cảm của mình vào bài hát.
- + Hoàn thành các nội dung của môn học. Mạnh dạn, tự tin thể hiện bài hát rất hay.
- + Hoàn thành các nội dung chương trình của từng bài trong tháng . Biết thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát kết hợp với gõ đệm nhịp nhàng chính xác.

**Đối với HS có hạn chế (Có thể chọn 1 trong các ý sau)*

- + Hát còn chưa rõ lời bài hát. Nhắc HS tập trung nghe cô giáo và các bạn hát để hát cho rõ lời.
- + Các động tác phụ họa chưa phù hợp với nội dung bài hát. Thường xuyên cho học

sinh lên minh họa bài hát cùng bạn.

+ Hát đúng giai điệu lời ca của các bài hát nhưng gõ đệm theo bài hát theo nhịp chưa chính xác. Hướng dẫn học sinh đọc và gõ đệm cùng với bạn bên cạnh.

b. Môn mỹ thuật:

a.1. Môn học và hoạt động giáo dục (Kiến thức, kỹ năng)

*Đối với HS không có hạn chế (Có thể chọn 1 trong các ý sau)

+ Hoàn thành các nội dung của từng bài trong tháng. Rất sáng tạo trong vẽ tranh đề tài.

+ Hoàn thành các nội dung chương trình của từng bài trong tháng. Biết cách quan sát mẫu và thể hiện tốt bài vẽ.

+ Hoàn thành các nội dung của môn học trong tháng. Nhận biết được bức tranh theo cảm nhận của riêng mình.

+ Hoàn thành các nội dung của từng bài trong tháng. Hình vẽ đẹp, cân đối. Màu sắc tươi vui, có đậm nhạt.

*Đối với HS có hạn chế (Có thể chọn 1 trong các ý sau)

+ Chưa phân biệt được ba sắc độ đậm nhạt. Chưa chú ý lắng nghe giáo viên và các bạn nêu cách nhận biết ba sắc độ của màu. Hướng dẫn riêng bằng hình mẫu cụ thể để học sinh nhớ lại ba sắc độ đậm nhạt.

+ Chưa biết vẽ tranh theo đề tài. Chưa tập trung trong nhóm vẽ để cùng bạn hỗ trợ lẫn nhau. Phân công thường xuyên làm nhiệm vụ trong nhóm.

+ Chưa quan sát kỹ mẫu để vẽ đúng hình dáng chung của mẫu. Hướng dẫn học sinh phát họa chung mẫu vẽ trước khi vẽ chi tiết.

+ Chưa vẽ được các họa tiết phong phú và vẽ cân đối. Cho học sinh xem nhiều các mẫu vẽ họa tiết khác.